

Số: 2411/KLTT-ĐCKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác than tại Công ty TNHH MTV-Tổng công ty Đông Bắc

Căn cứ quy định tại các điều 55 và 56 Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật khoáng sản đối với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 160/QĐ-ĐCKS ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản kết luận như sau:

I. Chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản

1. Kết quả thực hiện

Tổng công ty Đông Bắc được đổi tên thành Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Đông Bắc tại Quyết định số 2573/QĐ-BQP ngày 17 tháng 7 năm 2010 và Quyết định số 3026/QĐ-BQP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5700101468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08 tháng 8 năm 2012, trong đó có ngành nghề kinh doanh khai thác và thu gom than.

Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp các Giấy phép khai thác khoáng sản, gồm:

- Giấy phép số 2806/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác than bằng phương pháp lộ thiên via Dày 2 khu mỏ Đông Khe Sim, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 0,68 km²; trữ lượng được phép khai thác 2.800.000 tấn than; công suất khai thác 700.000 tấn than nguyên khai/năm; thời hạn khai thác 04 năm (đến hết ngày 31/12/2012).

- Giấy phép số 2800/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác than bằng phương pháp hầm lò tại các via: 8, 9, 10, 11, 12 thuộc mỏ Nam Khe Tam, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 1,97 km²; mức sâu được phép khai thác từ +45 m đến -150 m; trữ lượng địa chất 14.241.200 tấn than; trữ lượng khai thác 10.087.500 tấn than; công suất khai thác 600.000 tấn/năm; thời hạn khai thác 15 năm.

- Số 2801/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác than bằng phương pháp lộ thiên và hầm lò tại via 9 khu mỏ Bắc Quảng Lợi, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 1,52 km²; trữ lượng khai

thác: lộ thiên là 2.610.000 tấn than; hầm lò (trữ lượng địa chất 696.653 tấn than, trữ lượng khai thác 300.000 tấn than); mức cao khai thác: lộ thiên từ +160m đến -70m; hầm lò từ +27m đến -50m; công suất khai thác lộ thiên là 290.000 tấn than/năm; hầm lò là 100.000 tấn than/năm, thời hạn khai thác lộ thiên 9 năm; hầm lò 3 năm.

- Số 2785/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác than bằng phương pháp lộ thiên đến mức cao +10 m tại khu vực vỉa 17 mỏ Bàn Nâu, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 0,89 km²; trữ lượng địa chất 2.579.461 tấn than; trữ lượng khai thác 2.382.129 tấn than; công suất khai thác 500.000 tấn than/năm; thời hạn khai thác là 03 năm.

Công ty có Biên bản xác nhận mốc ranh giới khai thác than tại thực địa của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân thị xã, phường có liên quan; có báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; đã lập bản đồ hiện trạng khai thác, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác; có giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; có Quyết định của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc công nhận kết quả tổng hợp tài liệu, tính lại trữ lượng và chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên than; đã thực hiện việc quan trắc giám sát môi trường định kỳ theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; đã ký quỹ phục hồi môi trường (Giấy phép số 2806/GP-BTNMT: 14.450.465.000 đồng tại Giấy xác nhận số 20/GXN-QBVMT ngày 9 tháng 3 năm 2012; Giấy phép số 2800/GP-BTNMT: 2.568.457.600 đồng tại các Giấy xác nhận số 11/QBVMT ngày 5 tháng 5 năm 2011; số 49/GXN-QBVMT ngày 24 tháng 4 năm 2012 và số 108/GXN-QBVMT ngày 19 tháng 03 năm 2013; Giấy phép số 2801/GP-BTNMT: 1.358.964.992 đồng tại các Giấy xác nhận số 61/QBVMT ngày 07 tháng 10 năm 2011 và số 85/QBVMT ngày 17 tháng 9 năm 2012); có sổ Đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại; đã hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng, ngành nghề kinh doanh theo quy định về việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về kết quả thực hiện.

*** Phần riêng của 04 giấy phép**

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2806/GP-BTNMT

Có Quyết định số 5945/QĐ-KTSX ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất khai thác lộ thiên vỉa Dày mỏ Đông Khe Sim; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 3159/QĐ-ĐB ngày 19 tháng 8 năm 2012 kèm theo văn bản thông báo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; có Giấy phép sử dụng VLNCN số 6893/2011/GP-CNQP ngày 6 tháng 12 năm 2011 của Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng; có Quyết định số 1290/QĐ-BTNMT ngày 8 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án mở rộng, nâng công suất khai thác lộ thiên mỏ Đông Khe Sim; có Quyết định số 124/QĐ-BTNMT ngày 8 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ than Khe Sim, phường Cẩm Tây, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000.058.T ngày 24 tháng 5 năm 2012; có Hợp đồng thuê đất số 46/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2012 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S = 375.912 \text{ m}^2$ để sử dụng vào mục đích làm khai trường khai thác than và trồng cây, thời hạn thuê đất đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2015; Hợp đồng thuê đất số 43/HĐTD ngày 04 tháng 02 năm 2013 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S = 124.650 \text{ m}^2$ để sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng điều hành sản xuất, khai trường khai thác than và đường vận chuyển than, thời hạn thuê đất đến hết ngày 10 tháng 9 năm 2013; có Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt số 4179/GP-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp, lượng nước khai thác sử dụng là $180 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; thời hạn khai thác 05 năm; Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3264/GP-TNMT ngày 7 tháng 12 năm 2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp, lưu lượng xả trung bình $2.850 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, lưu lượng xả lớn nhất $4.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; thời hạn Giấy phép đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2800/GP-BTNMT

Có Quyết định số 1320/QĐ-ĐTXDCB ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục công trình dây truyền đào giếng nghiêng $+55\div-150$ thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất mỏ Nam Khe Tam; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 3683/QĐ-ĐB ngày 18 tháng 10 năm 2011 kèm theo văn bản thông báo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; có Giấy phép sử dụng VLNCN số 6893/2011/GP-CNQP ngày 6 tháng 12 năm 2011 của Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2013; có Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nâng công suất mỏ Nam Khe Tam; có Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Dự án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản mỏ Nam Khe Tam-Tổng công ty Đông Bắc; có Sổ đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000033.T ngày 19 tháng 10 năm 2012; có Hợp đồng thuê đất số 127/HĐTD ngày 12 tháng 4 năm 2013 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là 15.910 m^2 , sử dụng vào mục đích làm văn phòng làm việc, khu tập thể và phân xưởng ô tô; thời gian thuê đất là 30 năm; Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2013 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là 39.447 m^2 , sử dụng vào mục đích làm bãi thải và đường vận chuyển than, thời gian thuê đất là 13 năm; Hợp đồng thuê đất số 11/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2013 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là 40.566 m^2 , sử dụng vào mục đích làm khai trường khai thác than, thời gian thuê đất là 15 năm; Hợp đồng thuê đất số 128/HĐTD ngày 12 tháng 4 năm 2013 ký

với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là 222.503 m² sử dụng vào mục đích để làm khai trường khai thác than, bãi thải, đường vận chuyển, thời gian thuê đất là 14 năm; có Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 4405/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, lưu lượng xả thải trung bình 520 m³/ngày đêm, lưu lượng xả thải lớn nhất 3.320 m³/ngày đêm; thời hạn giấy phép là 05 năm.

Về công tác thăm dò than: Ngày 17 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2380/QĐ-TKV phê duyệt khối lượng thi công và tạm phê duyệt dự toán khoan thăm dò khai thác năm 2009 mỏ than Nam Khe Tam-Công ty TNHH MTV 86-Tổng Công ty Đông Bắc với khối lượng thi công 6LK/2300m; Ngày 01 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn có Quyết định số 2135/QĐ-TKV phê duyệt khối lượng thi công và dự toán phương án thăm dò khai thác mỏ than Tây Nam Khe Tam với khối lượng thi công 6LK/3460 m; Ngày 8 tháng 8 năm 2011, Tập đoàn có Quyết định số 1752/QĐ-VINACOMIN phê duyệt đề án TDBS mỏ than Nam Khe Tam với khối lượng 51LK/34.060 m.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2801/GP-BTNMT

Có Quyết định số 5947/QĐ-KTSX ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công điều chỉnh thuộc Dự án khả thi mỏ than Bắc Quảng Lợi; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 3167/QĐ-ĐB ngày 19 tháng 8 năm 2012 kèm theo văn bản thông báo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; có Giấy phép sử dụng VLNCN số 6893/2011/GP-CNQP ngày 6 tháng 12 năm 2011 của Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2013; có Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác vỉa 9 cánh Tây khai trường Bắc Quảng Lợi; có Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác than vỉa 9 cánh Tây mỏ Bắc Quảng Lợi; có Giấy xác nhận số 2248/MT-TNMT ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án khai thác; có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000.131.T ngày 19 tháng 12 năm 2008; có Hợp đồng thuê đất số 90/HĐ-TĐ ngày 18 tháng 7 năm 2007 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S = 5.148 \text{ m}^2$ để sử dụng làm khai trường khai thác than, thời gian thuê đất là 10 năm; có Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3180/GP-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp, lưu lượng xả trung bình 1.271 m³/ngày đêm, lưu lượng xả lớn nhất 2.220 m³/ngày đêm; thời hạn Giấy phép là 3 năm.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2785/GP-BTNMT

Có Quyết định số 5949/QĐ-KTSX ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công mỏ than Bàng Nâu; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 5772/QĐ-ĐB ngày 28 tháng 12

năm 2009 kèm theo văn bản thông báo về Giám đốc điều hành mỏ gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; có Giấy phép sử dụng VLNCN số 6893/2011/GP-CNQP ngày 6 tháng 12 năm 2011 của Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2013; có Quyết định số 316/QĐ-TNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường nâng công suất mỏ than Bàng Nâu; có Giấy xác nhận số 1943/MT-TNMT ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000.069.T ngày 28 tháng 6 năm 2007; có Hợp đồng thuê đất số 49/HĐ/TĐ ngày 15 tháng 5 năm 2003 ký với Sở Địa chính Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S = 152.209 \text{ m}^2$ để sử dụng làm khai trường khai thác than, kho bãi, xưởng sửa chữa và nhà điều hành sản xuất công trường, thời hạn thuê đất là 10 năm.

2. Các vi phạm, tồn tại

2.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số 2806/GP-BTNMT

2.1.1. Sản lượng khai thác than nguyên khai năm 2009 là: 961.185 tấn vượt 261.185 tấn; năm 2010 là: 705.255 tấn vượt 5.255 tấn so với công suất quy định tại Giấy phép khai thác.

2.1.2. Giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, nhưng đến nay, việc đóng cửa mỏ vẫn chưa được thực hiện.

2.1.3. Chưa hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

2.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số 2800/GP-BTNMT

2.2.1. Trong năm 2011 và 2012, Công ty đã đào một số đường lò để khai thác vỉa 10, 11 có mức cao hơn so với mức cao quy định tại Giấy phép khai thác.

2.2.2. Ký hợp đồng với Công ty khai thác khoáng sản Tây Nguyên tại Hợp đồng số 3801/HĐ-TĐĐC ngày 23 tháng 11 năm 2009 để thi công 6LK trong đó có 3LK vượt độ sâu quy định tại Giấy phép khai thác; Hợp đồng số 3907/HĐ-TĐĐC ngày 17 tháng 11 năm 2010 để thi công 6LK vượt độ sâu quy định tại Giấy phép khai thác; Hợp đồng số 230/2011/HĐNT-TĐĐC ngày 31 tháng 12 năm 2011 để thi công 51LK trong đó có 50LK vượt độ sâu quy định tại Giấy phép khai thác; Hợp đồng số 1731/2012/HĐKT-TĐĐC ngày 18 tháng 5 năm 2012 để thi công 12LK vượt độ sâu quy định tại Giấy phép khai thác; Hợp đồng số 1949/2012/HĐKT-TĐĐC ngày 01 tháng 6 năm 2012 để thi công 11LK vượt độ sâu quy định tại Giấy phép khai thác và Hợp đồng số 1398/2013/HĐKT-TĐĐC ngày 18 tháng 4 năm 2013 để thi công 20LK vượt độ sâu quy định tại Giấy phép khai thác nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản cho phép.

2.2.3. Chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn của nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

2.3. Giấy phép khai thác khoáng sản số 2801/GP-BTNMT

2.3.1. Năm 2010 khai thác lộ thiên 353.257 tấn (vượt 63.257 tấn) so với công suất khai thác lộ thiên quy định tại Giấy phép khai thác.

2.3.2. Khai thác than hầm lò khi thời hạn khai thác hầm lò quy định tại Giấy phép khai thác đã hết hạn kể từ 31/12/2011 (năm 2012 khai thác 63.433 tấn, quý I năm 2013 khai thác 23.159).

2.3.3. Năm 2011 và 2012 đã khai thác than tại một số lò chợ có mức cao hơn so với mức cao quy định tại Giấy phép khai thác (LC9-1 mức +27 ÷ +50; LC9-2 mức +36 ÷ +55; LC9-3 mức +30 ÷ +50).

2.3.4. Khu vực khai thác lộ thiên đã kết thúc khai thác (đã khai thác hết trữ lượng) nhưng chưa thực hiện việc đóng cửa mỏ.

2.3.5. Chưa hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

2.4. Giấy phép khai thác khoáng sản số 2785/GP-BTNMT

2.4.1. Năm 2009 khai thác 932.573 tấn (vượt 432.573 tấn); năm 2010 khai thác 552.361 tấn (vượt 52.361 tấn) so với công suất quy định tại Giấy phép khai thác.

2.4.2. Chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

2.4.3. Khu vực vỉa 17 mỏ than Bàng Nâu đã kết thúc khai thác (từ 31/12/2011) nhưng đến nay việc đóng cửa mỏ chưa được thực hiện.

2.4.4. Chưa hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

II. Yêu cầu khắc phục vi phạm

1. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản số 2806/GP-BTNMT

- a) Thực hiện việc đóng cửa mỏ theo quy định của Luật khoáng sản 2010.
- b) Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

2. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản số 2800/GP-BTNMT

- a) Khai thác đúng mức cao quy định tại giấy phép khai thác.
- b) Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

3. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản số 2801/GP-BTNMT

a) Không được khai thác khi giấy phép hết hạn. Khẩn trương hoàn thành hồ sơ xin gia hạn Giấy phép khai thác hầm lò trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản xem xét, quyết định.

b) Thực hiện việc đóng cửa mỏ đối với khu vực đã kết thúc khai thác lộ thiên theo quy định của Luật khoáng sản 2010.

c) Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong

diện tích khu vực khai thác.

4. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản số 2785/GP-BTNMT

a) Thực hiện việc đóng cửa mỏ theo quy định của Luật khoáng sản 2010.

b) Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, Công ty phải hoàn thành các nội dung công việc nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiền (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở TN & MT tỉnh Quảng Ninh;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV-Tổng công ty Đông Bắc;
- Lưu VP, KSHĐKS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thuận



**ĐỊA CHẤT
VIỆT NAM**